CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ YÊU CẦU NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

TRẦN VĂN QUÝ*

Chuyển đổi số đang trở thành phương thức tổ chức hoạt động tư pháp mới. Đối với Tòa án nhân dân, giá trị của chuyển đổi số không nằm ở số lượng phần mềm hay tỷ lệ hồ sơ số hóa mà ở khả năng nâng cao chất lượng, tính kịp thời, minh bạch và khả năng tiếp cận công lý của người dân. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, quan điểm của Đảng, cơ sở pháp lý hiện hành và thực trạng triển khai chuyển đổi số trong ngành Tòa án; từ đó, xác định các yêu cầu nền tảng và giải pháp nhằm đưa chuyển đổi số phục vụ trực tiếp hiệu quả xét xử ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Chuyển đổi số; hoạt động xét xử; Tòa án nhân dân; tòa án điện tử; tư pháp số.*

Digital transformation is becoming a new approach to organizing judicial activities. For People's Courts, the value of digital transformation lies not in the number of software applications or the proportion of digitized case files, but in its capacity to improve the quality, timeliness, and transparency of adjudication, as well as people's access to justice. This article analyzes the theoretical foundations, the Party's viewpoints, the current legal framework, and the implementation of digital transformation within the court system. On that basis, it identifies key requirements and proposes solutions to ensure that digital transformation directly improves the effectiveness of adjudication in Viet Nam today.

Keywords: *Digital transformation; adjudication; People's Courts; e-courts; digital justice.*

NGÀY NHẬN: 26/9/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 29/10/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2026

Email: tvquy1002@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.372.2026.1715

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức quản trị nhà nước và cung ứng dịch vụ công, trong đó lĩnh vực tư pháp chịu tác động trực tiếp đến quy trình tố tụng, thu thập và đánh giá chứng cứ, tổ chức phiên tòa và bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng. Vì vậy, chuyển đổi số trong Tòa án nhân dân cần gắn với tái cấu trúc phương thức tổ chức, quản lý và hoạt động xét xử trên nền tảng dữ liệu, công nghệ, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của hoạt động tư pháp.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số là những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a, tr. 115). Sau đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 cũng

* *TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

đặt ra yêu cầu hiện đại hóa hoạt động tư pháp, xây dựng tòa án điện tử (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2022). Nhằm thể chế hóa định hướng này, *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đã xác lập cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức xét xử trực tuyến và phát triển tòa án điện tử (Quốc hội, 2025). Những định hướng và quy định cho thấy, chuyển đổi số đã trở thành yêu cầu có tính chiến lược và pháp lý đối với quá trình đổi mới hoạt động xét xử ở Việt Nam.

Tuy nhiên, khả năng ứng dụng công nghệ chưa đồng nghĩa với hiệu quả xét xử được nâng cao. Việc số hóa quy trình thiếu tái cấu trúc có thể làm phát sinh thêm thủ tục; xét xử trực tuyến nếu không bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và cơ chế xác thực có thể ảnh hưởng đến quyền tranh tụng, quyền tiếp cận công lý; việc ứng dụng AI trong tra cứu, xử lý thông tin cũng không thể thay thế nguyên tắc độc lập xét xử và trách nhiệm của thẩm phán. Do đó, vấn đề đặt ra không chỉ là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mà quan trọng hơn là xác định phương thức chuyển đổi số phù hợp với đặc thù hoạt động tư pháp, bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả vận hành, chất lượng xét xử và quyền con người, quyền công dân.

2. Một số vấn đề lý luận về chuyển đổi số và hiệu quả hoạt động xét xử

2.1. Khái niệm và đặc trưng của chuyển đổi số trong hoạt động Tòa án

Số hóa là quá trình chuyển đổi thông tin từ dạng vật lý sang dữ liệu số; ứng dụng công nghệ thông tin là sử dụng các phần mềm, thiết bị để hỗ trợ hoạt động chuyên môn. Trong khi đó, chuyển đổi số có phạm vi rộng hơn, thể hiện ở việc khai thác, kết nối và xử lý dữ liệu bằng công nghệ nhằm đổi mới phương thức vận hành và tạo ra giá trị mới (Trịnh Thu Nga, 2022, tr. 31-33).

Trong hoạt động Tòa án, chuyển đổi số có ba đặc trưng cơ bản. *Một là,* chuyển đổi quy trình tố tụng và hoạt động quản trị phải được rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa trước khi số hóa. *Hai là,* quản trị hoạt động xét xử dựa trên dữ liệu, bảo đảm hồ sơ vụ án, bản án và quyết định được số hóa theo cấu trúc thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ và truy xuất. *Ba là,* lấy người sử dụng làm trung tâm, đáp ứng yêu cầu của thẩm phán, cán bộ Tòa án, đương sự, luật sư và công chúng.

Từ những đặc trưng cho thấy, chuyển đổi số trong hoạt động Tòa án là quá trình tái cấu trúc phương thức quản trị, thực hiện nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ tư pháp trên nền tảng dữ liệu, công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng thực hiện quyền tư pháp, giảm chi phí xã hội, tăng cường tính minh bạch và mở rộng khả năng tiếp cận công lý.

2.2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động xét xử

Hiệu quả hoạt động xét xử không chỉ được đo bằng số lượng vụ án giải quyết hoặc thời gian ban hành bản án mà phải được đánh giá trên cơ sở kết hợp giữa chất lượng phán quyết, tiến độ giải quyết và mức độ bảo đảm công lý. Hiệu quả hoạt động xét xử có thể được đánh giá qua sáu nhóm tiêu chí: (1) Chất lượng và tính đúng đắn của phán quyết; (2) Thời gian giải quyết vụ án hợp lý; (3) Chi phí tố tụng và chi phí xã hội; (4) Tính công khai, minh bạch và khả năng giám sát; (5) Khả năng tiếp cận công lý; (6) Bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử, quyền con người và quyền được xét xử công bằng (Nguyễn Hòa Bình, 2021). Vì vậy, hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động xét xử không thể chỉ căn cứ vào tỷ lệ hồ sơ điện tử, số lượng phiên tòa trực tuyến hay mức độ triển khai các nền tảng công nghệ mà phải được đo bằng những cải thiện thực chất đối với các tiêu chí và là thước đo thành công của chuyển đổi số.

2.3. Tác động hai chiều của chuyển đổi số đối với hiệu quả hoạt động xét xử

Chuyển đổi số tác động tích cực đến hiệu quả xét xử trên cả phương diện tổ chức,

nghiệp vụ và bảo đảm quyền tư pháp. Các dịch vụ tư pháp trực tuyến, như: nộp đơn, thụ lý, gửi văn bản qua mạng, kết nối và quản lý dữ liệu tập trung giúp rút ngắn thời gian luân chuyển hồ sơ, kiểm soát thời hạn tố tụng và hạn chế thất lạc tài liệu. Tiếp đó, các dịch vụ tư pháp trực tuyến và xét xử từ xa góp phần giảm chi phí đi lại, tạo thuận lợi cho người tham gia tố tụng và mở rộng khả năng tiếp cận Tòa án. Việc công khai bản án, án lệ và thông tin tố tụng cũng góp phần tăng cường tính minh bạch, khả năng giám sát. Bên cạnh đó, công cụ tìm kiếm, trợ lý ảo và phân tích dữ liệu có thể hỗ trợ thẩm phán tra cứu pháp luật, tổng hợp thông tin và nâng cao chất lượng xử lý công việc.

Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức và nguy cơ đối với tính an toàn, toàn vẹn của chứng cứ và việc bảo đảm quyền tố tụng. Chứng cứ điện tử có thuộc tính dễ bị sao chép, can thiệp, sửa đổi hoặc xóa mất dữ liệu nếu không có quy trình thu thập, bảo quản và xác thực nghiêm ngặt (Nguyễn Thành Minh Chánh, 2021). Đối với phiên tòa trực tuyến, nếu tín hiệu đường truyền không ổn định, chất lượng âm thanh, hình ảnh kém hoặc thiếu cơ chế xác thực danh tính chính xác sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tranh tụng, quyền đối chất trực tiếp và quyền bào chữa của bị cáo.

3. Quan điểm của Đảng và cơ sở pháp lý về chuyển đổi số ngành Tòa án nhân dân

3.1. Quan điểm của Đảng về chuyển đổi số và hiện đại hóa hoạt động tư pháp

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định chuyển đổi số quốc gia là định hướng quan trọng trong quá trình phát triển đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b). Cụ thể hóa định hướng này trong lĩnh vực tư pháp, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 đặt ra yêu cầu xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, trong đó xác định xây dựng tòa án điện tử là một trong những giải pháp đột phá để hiện đại hóa hoạt động xét xử (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2022). Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là động lực chính để nâng cao năng lực và hiệu lực quản trị quốc gia (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr. 9-10).

Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 đã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá chiến lược, gắn với năm yếu tố trọng tâm: thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược (Bộ Chính trị, 2024). Đối với ngành Tòa án, các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ: thể chế là tiền đề pháp lý; nhân lực là yếu tố quyết định vận hành; hạ tầng bảo đảm sự thông suốt; dữ liệu là tài nguyên quản trị; công nghệ là công cụ nâng cao chất lượng nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 cũng đặt ra yêu cầu gắn hoàn thiện thể chế với hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật và đẩy mạnh chuyển đổi số (Bộ Chính trị, 2025). Ở cấp chuyên ngành, Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 18/3/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt và lâu dài của toàn hệ thống Tòa án (Ban Thường vụ Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, 2025).

3.2. Cơ sở pháp lý về chuyển đổi số ngành Tòa án nhân dân

Hệ thống pháp luật về chuyển đổi số trong hoạt động xét xử đã và đang được hoàn thiện nhanh chóng, tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai tòa án điện tử: *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân* năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Đây là văn bản pháp lý điều chỉnh tổ chức và hoạt động của Tòa án. Khoản 1 Điều 136 *Luật* này chính thức

thừa nhận: "Tòa án xét xử bằng phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến". Quy định này xác lập địa vị pháp lý bình đẳng của phiên tòa trực tuyến với phiên tòa truyền thống. Đồng thời, khoản 5 Điều 147 khẳng định Nhà nước ưu tiên đầu tư nguồn lực cho công nghệ thông tin trong Tòa án và Điều 148 giao trách nhiệm cho Tòa án nhân dân tối cao xây dựng, vận hành Tòa án điện tử nhằm tăng cường công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả xét xử (Quốc hội, 2025). Các định hướng này được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 03-NQ/ĐU và Kế hoạch số 131/KH-TANDTC ngày 25/3/2025 cụ thể hóa các nhiệm vụ triển khai trong toàn ngành. Đáng chú ý, Chỉ thị số 04/2025/CT-CA ngày 31/12/2025 và Kế hoạch số 17/KH-TANDTC ngày 10/01/2026 tiếp tục nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu và yêu cầu triển khai chuyển đổi số đồng bộ trong toàn hệ thống Tòa án (Tòa án nhân dân tối cao, 2025b, Tòa án nhân dân tối cao, 2026).

4. Thực trạng chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

4.1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, phần mềm quản lý nghiệp vụ thụ lý, giải quyết các loại vụ án đã được Tòa án triển khai đồng bộ. Dữ liệu cán bộ, thẩm phán được số hóa. Ngành Tòa án đã bước đầu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tư pháp, công an, ngân hàng. Việc xét xử trực tuyến từng bước được triển khai trong thực tiễn. Năm 2025, đã tổ chức xét xử trực tuyến đối với 16.383 vụ việc. Việc xét xử trực tuyến đã góp phần giúp người dân dễ dàng tiếp cận công lý và bảo đảm các hoạt động xét xủ được tổ chức đúng thời hạn luật định (Tòa án nhân dân tối cao, 03/10/2026). Chuyển đổi số đang từng bước chuyển từ ứng dụng các phần mềm nghiệp vụ riêng lẻ sang xây dựng nền tảng tích hợp, kết nối các phân hệ quản lý vụ án, hỗ trợ xét xử, tổ chức phiên tòa trực tuyến và thực hiện thủ tục tố tụng điện tử (Tòa án nhân dân tối cao, 2025a). Đây là tiền đề quan trọng để hình thành quy trình nghiệp vụ thống nhất, giảm sự phụ thuộc vào hồ sơ giấy.

Hoạt động chuyển đổi số bước đầu hướng đến phục vụ người dân. Việc triển khai Cổng dịch vụ Tòa án, ứng dụng di động Tòa án số và các công cụ tra cứu bản án đã mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ tư pháp. Qua đó, trọng tâm ứng dụng công nghệ từng bước chuyển từ phục vụ quản lý nội bộ sang nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức. Thông tin về khối lượng án, tiến độ và thời hạn giải quyết được tổng hợp, khai thác để hỗ trợ theo dõi, cảnh báo chậm trễ và điều hành công việc. Đây là cơ sở để nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và hiệu quả quản lý hoạt động xét xử.

4.2. Hạn chế và tồn tại

Thứ nhất, dữ liệu chưa được số hóa đồng bộ và thiếu tính liên thông. Phần lớn hồ sơ vụ án hiện nay vẫn tồn tại ở dạng giấy. Dữ liệu lịch sử các năm trước chưa được chuyển đổi đầy đủ; các kho dữ liệu dùng chung chưa hoàn thiện. Việc thiếu liên thông dữ liệu giữa Tòa án với các cơ quan Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, thi hành án dân sự và bộ, ngành khiến việc truy xuất thông tin bị gián đoạn.

Thứ hai, hạ tầng công nghệ và bảo đảm an toàn thông tin chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; trang thiết bị công nghệ thông tin ở nhiều Tòa án còn cũ kỹ, lạc hậu, băng thông hẹp; các cơ chế giám sát an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân trong hồ sơ tố tụng chưa thực sự triệt tiêu được rủi ro bị xâm nhập, rò rỉ.

Thứ ba, nguồn nhân lực số còn thiếu và chưa đồng đều. Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin còn mỏng, nhiều vị trí kiêm

nhiệm; nhân lực chuyên sâu về quản trị dữ liệu, an ninh mạng và vận hành hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh năng lực chuyên môn pháp lý, cán bộ Tòa án còn phải có khả năng sử dụng và kiểm soát các công cụ số trong thực hiện nghiệp vụ. Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo phải gắn kiến thức pháp luật, tố tụng với kỹ năng công nghệ và quản trị dữ liệu.

Thứ tư, thể chế về tố tụng điện tử chưa đồng bộ. Mặc dù cơ sở pháp lý cho xét xử trực tuyến và xây dựng Tòa án điện tử đã được xác lập nhưng các quy định và hướng dẫn về nộp đơn, tống đạt văn bản, thu thập và xác thực chứng cứ điện tử, định danh người tham gia tố tụng và tổ chức phiên tòa trên môi trường số vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Hiện nay, quá trình chuyển đổi số trong hoạt động tố tụng ở Việt Nam còn chậm và có quy mô hạn chế so với một số quốc gia trên thế giới. Sự thiếu đồng bộ về thể chế khiến một số khâu nghiệp vụ vẫn phải thực hiện song song bằng phương thức điện tử và hồ sơ giấy, làm giảm tính liên tục của quy trình tố tụng.

Thứ năm, điều kiện triển khai giữa các tòa án chưa đồng đều. Một số tòa án địa phương cho thấy, hạ tầng phục vụ xét xử trực tuyến còn thiếu, từ đường truyền, thiết bị mạng đến hệ thống âm thanh, hình ảnh và camera ghi hình; nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin còn hạn chế, chủ yếu kiêm nhiệm (Đặng Phước Thông & cộng sự, 2025). Sự chênh lệch này ảnh hưởng đến khả năng triển khai thống nhất các nền tảng số, tạo ra những khác biệt về chất lượng cung cấp dịch vụ tư pháp giữa các địa phương.

5. Một số giải pháp

Một là, hoàn thiện thể chế tố tụng số theo hướng toàn trình. Rà soát, đồng bộ pháp luật tố tụng, mở rộng giao dịch điện tử trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, từ tiếp nhận đơn, giao nộp chứng cứ, tống đạt, hòa giải, xét xử đến cấp và lưu trữ bản án. Bảo đảm quy trình điện tử có giá trị pháp lý đầy đủ, thay vì chỉ tạo thêm kênh xử lý song song với phương thức truyền thống.

Hai là, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trước khi số hóa. Chuẩn hóa quy trình giải quyết vụ án, loại bỏ khâu trung gian và thủ tục trùng lặp; khai thác dữ liệu đã có để giảm yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ, qua đó, nâng cao hiệu quả xử lý và chất lượng phục vụ. Đồng thời, xây dựng dữ liệu tư pháp đồng bộ, có khả năng kết nối và chia sẻ. Từng bước số hóa hồ sơ lịch sử, chuẩn hóa danh mục và mã định danh, hình thành kho dữ liệu dùng chung; bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ, được cập nhật và tái sử dụng hợp pháp trong các hoạt động nghiệp vụ.

Ba là, phát triển nền tảng tòa án điện tử thống nhất toàn quốc. Tích hợp các hệ thống quản lý án, hồ sơ điện tử, tố tụng điện tử, xét xử trực tuyến, thanh toán và định danh; tăng cường kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống của cơ quan liên quan, bảo đảm số hóa toàn bộ quy trình giải quyết vụ án.

*Bốn là, ứ*ng dụng AI có kiểm soát trong hỗ trợ xét xử. Ưu tiên sử dụng AI trong tra cứu văn bản, phân loại hồ sơ, theo dõi thời hạn, tổng hợp tài liệu và thống kê. Đối với các chức năng hỗ trợ phân tích pháp lý, cần bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và trách nhiệm của người sử dụng; không để công nghệ thay thế hoặc chi phối quyết định xét xử của Thẩm phán.

Năm là, phát triển nguồn nhân lực tư pháp số chuyên sâu và toàn diện. Đổi mới căn bản chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại Học viện Tòa án. Đưa môn học "Tư pháp số", "Kỹ năng thu thập, đánh giá chứng cứ điện tử" và "Bảo mật thông tin" vào chương trình bắt buộc đối với thẩm phán, thẩm tra viên và thư ký Tòa án. Đồng thời, có chính sách đãi ngộ đặc thù để thu hút đội ngũ chuyên gia công nghệ thông tin, an ninh

mạng chất lượng cao về làm việc chuyên trách tại hệ thống Tòa án.

Sáu là, đổi mới tiêu chí đánh giá hiệu quả chuyển đổi số. Chuyển từ đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ sang đo lường kết quả thực chất thông qua các tiêu chí, như: tỷ lệ giải quyết án đúng hạn, thời gian xử lý, mức độ cắt giảm thủ tục, khả năng tái sử dụng dữ liệu, chất lượng tranh tụng, tỷ lệ bản án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan và mức độ hài lòng của người tham gia tố tụng. Việc ứng dụng công nghệ phải hướng đến rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, giảm sai sót, tăng khả năng kiểm soát quy trình và hỗ trợ thẩm phán tập trung vào hoạt động xét xử; tránh triển khai hình thức, chạy theo số lượng nền tảng hay tỷ lệ số hóa.

Bảy là, tăng cường an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu tư pháp. Áp dụng các biện pháp bảo mật nhiều lớp, mã hóa dữ liệu, kiểm soát chặt chẽ quyền truy cập, giám sát và kiểm thử an ninh định kỳ; xây dựng phương án sao lưu, khôi phục và ứng phó sự cố. Bảo đảm an toàn hồ sơ vụ án, bản án và thông tin cá nhân trong toàn bộ quá trình xử lý, lưu trữ và truyền tải. Đồng thời, bảo đảm an ninh mạng và an toàn dữ liệu tư pháp; việc bảo mật, phòng ngừa xâm nhập, rò rỉ dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục phải được xem là điều kiện thiết yếu của xét xử số, không phải yêu cầu kỹ thuật bổ trợ❐

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

Ban Thường vụ Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao (2025). *Nghị quyết số 03-NQ/ĐU ngày 18/3/2025 về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng Tòa án điện tử.*

Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.*

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập II).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I).* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Đặng Phước Thông, Nguyễn Việt Anh Lân & Chu Thị Thơm (2025). Xét xử trực tuyến vụ án dân sự - kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam,* (4)(188), 22.

Nguyễn Hòa Bình (14/11/2021). Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại Tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới. *Tạp chí Cộng sản.* https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/doi-moi-va-hoan-thien-co-che-nhan-dan-tham-gia-hoat-dong-xet-xu-tai-toa-an-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-trong-giai-doan-moi

Nguyễn Thành Minh Chánh (2021). Pháp luật về chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp,* (24)(448), 48.

Quốc hội (2024, 2025). *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024* (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tòa án nhân dân tối cao (2025a). *Quyết định số 131/KH-TANDTC ngày 25/3/2025 về kế hoạch chuyển đổi số ngành Tòa án nhân dân năm 2025.*

Tòa án nhân dân tối cao (2025b). *Chỉ thị số 04/2025/CT-CA ngày 31/12/2025 về các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số, xây dựng Tòa án điện tử trong hệ thống Tòa án nhân dân.*

Tòa án nhân dân tối cao (03/10/2025). *Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong năm 2025 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.*

Trịnh Thu Nga (2022). Chuyển đổi số và phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam đến 2030. *Tạp chí Nguồn nhân lực và An sinh xã hội,* (2), 31 - 33.